TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 24-7-2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Ông Đinh Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Ảnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Ngô Thị Hồng Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 60/2025/QĐXXST- DS ngày 16/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266- 268 đường N, phường V, Quận S, Thành phố H (nay là Số 266- 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chề Ngọc S, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Kiêm Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Bà Rịa- PGD Châu Đức.

Địa chỉ: Số 309A đường H, thị trấn N, huyện C, tỉnh B (nay là Số 309A đường H, xã N, thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 309A đường H, thị trấn N, huyện C, tỉnh B (nay là Số 309A đường H, xã N, thành phố H).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1980 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 60 đường T, khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh B (nay là Số 60 T, khu phố N, xã N, thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/8/2022 bà Lê Thị Huỳnh T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S)- Phòng giao dịch Châu Đức (nay thuộc xã N, Thành phố H) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 333/2022 PGD CĐ và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 31.2%/năm (lãi suất trong hạn). Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà T đã thực hiện giao dịch vay tiêu dùng trên ứng dụng S Pay với tổng số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất áp dụng 1.4%/tháng.

Khoản vay tiêu dùng S Pay số 3174863286: Từ ngày giải ngân số tiền 30.000.000 đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.670.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của S (Điều 4, 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S). Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn, chi tiết như sau:

Lãi suất quá hạn: 46.5% (150% x lãi suất chuyển đổi từ góp đều sang giảm dần (lãi suất dư nợ giảm dần = 2 x n x r/(n+1). Trong đó: n: số tháng vay, r: lãi suất góp điều)).

Lãi suất quá hạn 01 tháng: 3.876%/tháng; Lãi suất quá hạn 01 ngày: 0.1292%/ngày; Tiền lãi 01 ngày: 26.774 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn là 0.1292%/ngày từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (từ ngày 25/5/2024) cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng nhưng bà T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng.

Bà T đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Bà Lê Thị Huỳnh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 32.102.150 đồng, trong đó: Dư nợ: 20.723.200 đồng; Nợ lãi quá hạn: 11.378.950 đồng.

- Và bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 25/7/2025 cho đến khi trả nợ xong theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử tại Tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Lê Thị Huỳnh T vắng mặt, không lên Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Huỳnh T phải trả cho Ngân hàng số tiền (tạm tính đến hết ngày 24/7/2025) là 32.102.150 đồng, theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong đó: Dư nợ: 20.723.200 đồng và nợ lãi quá hạn: 11.378.950 đồng. Về án phí: Bà Lê Thị Huỳnh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu Vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Huỳnh T phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022 đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"; Nơi cư trú của bà Lê Thị Huỳnh T là Số 60 đường T, khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh B (nay là Số 60 T, khu phố N, xã N, Thành phố H) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Huỳnh T đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự trong Hợp đồng trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

[2.2] Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 31,2%/năm (lãi suất trong hạn). Bà T được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 1.4%/tháng- khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S Pay (số 3174863286). Từ ngày giải ngân số tiền 30.000.000 đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.670.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 11.727.200 đồng, tiền lãi phí là 1.942.800 đồng). Ngày 25/5/2024 bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[2.3] Tại Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022, bà T đã cam kết: *"Bằng việc ký tên vào giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S. Điều Khoản và Điều kiện cùng với giấy đề nghị tạo thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên. Tôi/Chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã được cấp. Tôi/chúng tôi cam kết việc kích hoạt thẻ và Pin theo các phương thức mà S áp dụng theo từng thời kỳ (bao gồm nhưng không giới hạn việc liên hệ các địa điểm giao dịch của S, TT.DVKH của S, gửi tin nhắn SMS từ số điện thoại tôi đã đăng ký, kích hoạt thẻ qua kênh ngân hàng điện tử, qua ATM S, qua các ứng dụng S hoặc các hình thức tương tự) sẽ do chính tôi thực hiện và tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh sau thời điểm kích hoạt thẻ. Khi đó, S hiểu rằng Tôi/Chúng tôi đã nhận được thẻ và S không chịu trách nhiệm đối với thẻ đã kích hoạt. Tôi/Chúng tôi có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của S;…"*.

Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, bà T đồng ý việc Ngân hàng Thương mại cổ phần S chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng với hạn mức, thời hạn, lãi suất,… theo quy định của S. Khi kích hoạt thành công thẻ tín dụng thì bà T đồng ý với việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ

các quy định tại giấy đề nghị này, các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022, theo đó lãi suất thẻ áp dụng tại thời điểm làm thẻ là 31.2% và đã được bà T đồng ý và ký xác nhận. Việc Ngân hàng quy định về hạn mức cấp tín dụng, lãi suất, phí đã được bà T đồng ý và ký vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15/8/2022 là phù hợp với quy định của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Ngân hàng S. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 20.723.200 đồng làm nợ gốc. Áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn. Việc quy định này phù hợp Điểm g Điều 13, Điều 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và tại mục 4, 5; điểm b mục 24.4; mục 1.9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành Thẻ tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

Về Lãi suất quá hạn: Ngân hàng đã tính đúng theo quy định.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Lê Thị Huỳnh T. Buộc bà Lê Thị Huỳnh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền (tạm tính đến ngày 24/7/2025) là 32.102.150 đồng, trong đó: Dư nợ: 20.723.200 đồng; Nợ lãi quá hạn: 11.378.950 đồng theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Huỳnh T. Và bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 25/7/2025 cho đến khi trả nợ xong theo lãi suất thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Huỳnh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 1.605.108 đồng (một triệu sáu trăm lẽ năm ngàn một trăm lẽ tám đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.000 đồng (năm trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001477 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Lê Thị Huỳnh T về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Bà Lê Thị Huỳnh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 32.102.150 đồng *(ba mươi hai triệu một trăm lẽ hai ngàn một trăm năm mươi đồng),* trong đó: Dư nợ: 20.723.200 đồng, Nợ lãi quá hạn: 11.378.950 đồng theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 333/2022 PGD CĐ ngày 15/8/2022; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Huỳnh T.

Kể từ ngày 25/07/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Huỳnh T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Huỳnh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.605.108 đồng (một triệu sáu trăm lẽ năm ngàn một trăm lẽ tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.000 đồng (năm trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001477 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.